

Số: 09/QĐ-HĐQL

Tuyên Quang, ngày 16 tháng 12 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Quy chế Cho vay
của Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Tuyên Quang

HỘI ĐỒNG QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN

Căn cứ Nghị định số 147/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định về tổ chức và hoạt động của Quỹ Đầu tư phát triển địa phương;

Căn cứ Thông tư số 86/2021/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2021 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 147/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ quy định về tổ chức và hoạt động của Quỹ Đầu tư phát triển địa phương;

Căn cứ Quyết định số 205/QĐ-UBND ngày 12 tháng 5 năm 2008 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang về việc thành lập Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Tuyên Quang;

Căn cứ Quyết định số 555/QĐ-UBND ngày 08 tháng 9 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Tuyên Quang;

Căn cứ Quyết định số 04/QĐ-HĐQL ngày 15 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng quản lý Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Tuyên Quang ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản lý Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Tuyên Quang;

Xét đề nghị của Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Tuyên Quang tại Tờ trình số 21/TTr-QĐTPT ngày 13 tháng 12 năm 2021 về việc đề nghị ban hành các quy chế hoạt động, quy chế nghiệp vụ của Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Tuyên Quang.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế Cho vay của Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Tuyên Quang.

Điều 2: Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 05/QĐ-HĐQL ngày 20/6/2014 của Hội đồng quản lý Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Tuyên Quang về việc ban hành Quy chế cho vay đầu tư của Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Tuyên Quang; Quyết định số 02/QĐ-HĐQL ngày 12/02/2020 của Hội đồng quản lý Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Tuyên Quang về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế cho vay đầu tư của Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Tuyên Quang.

Điều 3: Hội đồng quản lý, Ban Kiểm soát, Ban Điều hành Quỹ Đầu tư phát triển và các tổ chức, cá nhân có liên quan có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh; (Báo cáo)
- Chủ tịch và các TV HĐQT Quỹ;
- Quỹ ĐTPT tỉnh;
- Như Điều 3: Thi hành;
- Các phòng, ban thuộc Quỹ;
- Lưu Văn thư. (15 bản).

**T.M HỘI ĐỒNG QUẢN LÝ
CHỦ TỊCH**

**PHÓ CHỦ TỊCH UBND TỈNH
Nguyễn Mạnh Tuấn**

**QUY CHẾ CHO VAY
CỦA QUỸ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN TỈNH TUYÊN QUANG**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 09/QĐ-HĐQL ngày 16 tháng 12 năm 2021
của Hội đồng quản lý Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Tuyên Quang)*

**Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế này quy định về hoạt động cho vay của Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Tuyên Quang (sau đây gọi tắt là Quỹ) đối với Chủ đầu tư vay vốn tại Quỹ (sau đây gọi tắt là Chủ đầu tư).

2. Đối tượng áp dụng:

- Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Tuyên Quang.
- Các tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động vay vốn tại Quỹ.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

1. Chủ đầu tư là pháp nhân có năng lực pháp luật dân sự theo quy định của pháp luật có quan hệ vay vốn với Quỹ.

2. Cho vay là một hình thức của cấp tín dụng, được thể hiện trong Hợp đồng tín dụng, theo đó Quỹ giao cho Chủ đầu tư một khoản tiền được giải ngân theo đúng thủ tục quy định để sử dụng vào mục đích xác định trong một thời gian nhất định theo thỏa thuận với nguyên tắc có hoàn trả cả gốc và lãi.

3. Hồ sơ vay vốn: Là hồ sơ, tài liệu do Chủ đầu tư cung cấp làm cơ sở cho Quỹ xem xét, thẩm định và quyết định cho vay.

4. Thời hạn cho vay là khoảng thời gian tính từ ngày tiếp theo của ngày Quỹ giải ngân vốn vay đầu tiên cho Chủ đầu tư đến thời điểm Chủ đầu tư phải trả hết nợ gốc và lãi tiền vay theo thỏa thuận giữa Quỹ và Chủ đầu tư. Trường hợp ngày cuối cùng của thời hạn cho vay là ngày lễ hoặc ngày nghỉ hàng tuần, thì chuyển sang ngày làm việc tiếp theo.

5. Thời hạn ân hạn là khoảng thời gian tính từ khi Quỹ giải ngân vốn vay đến khi Chủ đầu tư bắt đầu trả nợ gốc được thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng. Trong thời gian ân hạn, Chủ đầu tư chưa phải trả nợ gốc nhưng phải trả lãi theo hợp đồng tín dụng đã ký.

6. Kỳ hạn trả nợ là khoảng thời gian trong thời hạn cho vay đã thỏa thuận mà tại cuối mỗi khoảng thời gian đó Chủ đầu tư phải trả một phần hoặc toàn bộ nợ gốc và/hoặc lãi tiền vay cho Quỹ.

7. Dư nợ gốc bị quá hạn bao gồm:

- a. Số dư nợ gốc bị chuyển nợ quá hạn theo quy định tại Điều 30 Quy chế này.
- b. Số dư nợ gốc mà Chủ đầu tư không trả được nợ trước hạn khi Quỹ chấm dứt cho vay, thu hồi nợ trước hạn theo quy định.

8. Cơ cấu lại thời hạn trả nợ là việc Quỹ xem xét chấp thuận điều chỉnh kỳ hạn trả nợ và gia hạn nợ cho chủ đầu tư, như sau:

a. Điều chỉnh kỳ hạn trả nợ là việc Quỹ chấp thuận kéo dài thêm một khoảng thời gian trả nợ một phần hoặc toàn bộ nợ gốc và/ hoặc lãi tiền vay của kỳ hạn trả nợ đã thoả thuận trong Hợp đồng tín dụng (bao gồm cả trường hợp không thay đổi về số kỳ hạn trả nợ đã thoả thuận), thời hạn cho vay không thay đổi.

b. Gia hạn nợ là việc Quỹ chấp thuận kéo dài thêm một khoảng thời gian trả nợ gốc và/hoặc lãi tiền vay, vượt quá thời hạn cho vay đã thoả thuận trong Hợp đồng tín dụng phù hợp với nguồn trả nợ của Chủ đầu tư.

Chương II **QUY ĐỊNH CỤ THỂ**

Điều 3. Hoạt động cho vay

Hoạt động cho vay của Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Tuyên Quang thực hiện theo quy định tại Nghị định số 147/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ (Nghị định số 147/2020/NĐ-CP), các quy định có liên quan và quy định cụ thể tại Quy chế này.

Điều 4. Nguồn vốn cho vay

1. Nguồn vốn hoạt động của Quỹ, bao gồm:

- a) Vốn chủ sở hữu.
- b) Các nguồn vốn huy động theo quy định tại Nghị định số 147/2020/NĐ-CP.

2. Nguồn vốn nhận ủy thác cho vay.

Điều 5. Nguyên tắc cho vay

1. Hoạt động cho vay của Quỹ đối với Chủ đầu tư được thực hiện theo thoả thuận giữa Quỹ và Chủ đầu tư, phù hợp với quy định của pháp luật có liên quan và quy định tại Quy chế này.

2. Chủ đầu tư, dự án vay vốn phải đúng đối tượng và đáp ứng đủ các điều kiện vay vốn tại Quỹ theo quy định tại Nghị định số 147/2020/NĐ-CP, các quy định có liên quan và quy định cụ thể tại Quy chế này.

3. Dự án có hiệu quả kinh tế, Chủ đầu tư sử dụng vốn vay đúng mục đích, hoàn trả nợ gốc và lãi vốn vay đúng thời hạn đã thoả thuận trong hợp đồng tín dụng.

4. Bảo đảm tiền vay phải được thực hiện theo quy định hiện hành của pháp luật và theo quy định của Quỹ tùy theo đặc điểm vay vốn của từng phương án, dự án đầu tư.

Điều 6. Phương thức cho vay

1. Cho vay trực tiếp: Được thực hiện theo quy định tại Quy chế này và các quy định pháp luật khác có liên quan.

2. Cho vay hợp vốn:

a. Quỹ được làm đầu mối hoặc tham gia cho vay hợp vốn với các Quỹ Đầu tư phát triển địa phương khác, với tổ chức tín dụng hoặc tổ chức khác để cho vay đầu tư dự án.

b. Việc cho vay hợp vốn được thực hiện theo quy định tại Nghị định 147/2020/NĐ-CP, quy định của Ngân hàng Nhà nước về việc cấp tín dụng hợp vốn của các tổ chức tín dụng đối với khách hàng; theo quy định của Quỹ và theo thỏa thuận với các Bên tham gia cho vay hợp vốn được quy định cụ thể trong Hợp đồng hợp vốn cho vay.

Hợp đồng hợp vốn cho vay là cơ sở pháp lý trong đó quy định cụ thể các điều kiện, điều khoản cho vay, thẩm quyền cho vay, việc xử lý rủi ro theo quy định tại quy chế này và các quy định pháp luật có liên quan để thực hiện việc hợp vốn cho vay và xử lý các khiếu kiện, tranh chấp (nếu có).

c. Việc cho vay hợp vốn phải thực hiện tuân thủ theo đúng quy định về cho vay tại Quy chế này.

3. Cho vay ủy thác: Được thực hiện theo quy định tại Quy chế này; Quy chế ủy thác và nhận ủy thác của Quỹ và các quy định pháp luật khác có liên quan.

Điều 7. Đối tượng cho vay

1. Đối tượng cho vay là Chủ đầu tư có dự án thuộc danh mục các lĩnh vực đầu tư, cho vay của Quỹ được Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành theo quy định tại Nghị định số 147/2020/NĐ-CP.

2. Hàng năm, căn cứ vào danh mục các lĩnh vực đầu tư, cho vay, Quỹ lựa chọn, thẩm định và quyết định cho vay các dự án cụ thể nếu đáp ứng đủ các điều kiện cho vay theo quy định tại Quy chế này và các quy định pháp luật khác có liên quan.

Điều 8. Điều kiện cho vay

1. Đối với Chủ đầu tư:

a. Chủ đầu tư là pháp nhân có năng lực pháp luật dân sự theo quy định của pháp luật.

b. Có dự án thuộc đối tượng cho vay của Quỹ quy định tại Điều 7 Quy chế này.

c. Không là Công ty con của Quỹ.

d. Có tình hình tài chính lành mạnh, có khả năng trả được nợ vay.

e. Không có nợ xấu và lãi treo tại các tổ chức tín dụng và được các tổ chức tín dụng xác nhận bằng văn bản.

f. Có khả năng cân đối các nguồn vốn tự có tham gia đầu tư dự án tối thiểu bằng 15% số vốn đầu tư dự án và được tổ chức tín dụng xác nhận về khả năng cho vay vốn thực hiện dự án (nếu cần).

g. Chủ đầu tư thực hiện mua bảo hiểm tài sản tại một doanh nghiệp bảo hiểm hoạt động hợp pháp tại Việt Nam đối với tài sản bảo đảm tiền vay thuộc đối tượng mua bảo hiểm và cam kết thực hiện các quy định về bảo đảm tiền vay theo quy định hiện hành của Nhà nước và quy định tại Quy chế bảo đảm tiền vay của Quỹ.

2. Đối với dự án vay vốn:

a. Dự án đầu tư đã hoàn thành thủ tục đầu tư theo quy định của pháp luật.

b. Dự án thuộc đối tượng cho vay theo quy định tại Điều 7 quy chế này.

c. Dự án vay vốn được Quỹ thẩm định, đánh giá là dự án có hiệu quả.

d. Đối với dự án có bồi thường giải phóng mặt bằng, di dân, tái định cư thì phải có quy hoạch di dân tái định cư được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Trường hợp dự án được cấp có thẩm quyền cho phép bồi thường, di dân, tái định cư theo tiến độ thực hiện dự án thì phải có phương án bồi thường, di dân, tái định cư thành phần được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Điều 9. Kế hoạch cho vay

1. Lập kế hoạch cho vay:

a. Hằng năm, cùng thời điểm xây dựng kế hoạch hoạt động, kế hoạch tài chính, Quỹ lập kế hoạch cho vay của năm tiếp theo để Hội đồng quản lý Quỹ trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, phê duyệt.

b. Đối tượng thuộc kế hoạch cho vay là các dự án chuyên tiếp, dự án đã được Quỹ chấp thuận cho vay và các dự án có nhu cầu vay vốn của Quỹ.

c. Kế hoạch cho vay được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt là căn cứ để Quỹ thông báo kế hoạch cho vay đầu tư cho từng dự án.

d. Trường hợp trong năm nếu phát sinh dự án mới đúng đối tượng, đủ điều kiện cho vay nhưng nằm ngoài kế hoạch cho vay đã được phê duyệt, thì Quỹ có quyền quyết định cho vay khi vẫn duy trì đủ tỷ lệ vốn dự phòng cho vay đối với nhóm dự án thuộc lĩnh vực ưu tiên.

2. Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch cho vay:

a. Trong năm Quỹ có thể thực hiện điều chỉnh, bổ sung kế hoạch cho vay và báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (nếu có).

b. Đến hết năm, nếu dự án không giải ngân hết số vốn trong kế hoạch cho vay đã được phê duyệt thì Quỹ có thể điều chỉnh số tiền vay sang kế hoạch của năm sau tùy thuộc vào khả năng cân đối nguồn vốn của Quỹ và nhu cầu vốn vay thực tế của dự án theo kế hoạch đã được phê duyệt.

Điều 10. Giới hạn cho vay

Giới hạn cho vay thực hiện theo quy định tại Điều 29 Nghị định 147/2020/NĐ-CP cụ thể như sau:

1. Giới hạn cho vay đối với một dự án không được vượt quá 20% vốn chủ sở hữu của Quỹ được ghi trên báo cáo tài chính gần nhất tại thời điểm giải ngân vốn vay và tối đa không vượt quá 80% tổng số vốn đầu tư dự án theo quyết định phê duyệt dự án của cấp có thẩm quyền.

Trường hợp Quỹ thực hiện đồng thời vừa đầu tư vừa cho vay đối với một dự án thì tổng giới hạn đầu tư và cho vay không vượt quá 30% vốn chủ sở hữu của Quỹ được ghi trên báo cáo tài chính gần nhất tại thời điểm giải ngân vốn vay.

2. Tổng mức dư nợ cho vay đối với một Chủ đầu tư của Quỹ không được vượt quá 25% vốn chủ sở hữu của Quỹ được ghi trên báo cáo tài chính gần nhất tại thời điểm giải ngân vốn vay.

3. Đối với dự án sử dụng nguồn vốn của các nhà tài trợ quốc tế có quy định về giới hạn cho vay khác với quy định của Quy chế này thì thực hiện theo thỏa thuận đã ký kết với nhà tài trợ.

4. Chủ đầu tư phải sử dụng các nguồn vốn hợp pháp khác cùng với vốn vay Quỹ để hoàn thành dự án theo đúng tiến độ đã xác định trong Giấy chứng nhận đầu tư và/hoặc Quyết định đầu tư dự án.

Điều 11. Thẩm quyền quyết định cho vay

1. Giám đốc Quỹ xem xét, quyết định mức vốn cho vay đối với một dự án dưới 10% vốn chủ sở hữu của Quỹ được ghi trên báo cáo tài chính gần nhất tại thời điểm quyết định cho vay.

2. Chủ tịch Hội đồng Quản lý Quỹ xem xét, quyết định mức vốn cho vay đối với một dự án từ 10% đến 15% vốn chủ sở hữu của Quỹ được ghi trên báo cáo tài chính gần nhất tại thời điểm quyết định cho vay.

3. Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định mức vốn cho vay đối với một dự án trên 15% vốn chủ sở hữu của Quỹ được ghi trên báo cáo tài chính gần nhất tại thời điểm quyết định cho vay.

Điều 12. Lãi suất cho vay

1. Lãi suất cho vay thực hiện theo quy định tại Điều 25, Nghị định 147/2020/NĐ-CP, Quyết định của UBND tỉnh và quy định của Quỹ trong từng thời kỳ.

2. Mức lãi suất cho vay đối với từng dự án cụ thể do Giám đốc Quỹ quyết định nhưng không được thấp hơn mức lãi suất cho vay tối thiểu do Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt, được xác định tại từng thời điểm nhận nợ vay và điều chỉnh khi có sự điều chỉnh lãi suất cho vay của Quỹ.

3. Nội dung thỏa thuận về lãi suất cho vay bao gồm mức lãi suất cho vay và phương pháp tính lãi đối với khoản vay. Trường hợp mức lãi suất cho vay không

quy đổi theo tỷ lệ %/năm và/hoặc không áp dụng phương pháp tính lãi theo số dư nợ cho vay thực tế, thời gian duy trì số dư nợ gốc thực tế đó, thì trong thỏa thuận cho vay phải có nội dung về mức lãi suất quy đổi theo tỷ lệ %/năm (một năm là ba trăm sáu mươi lăm ngày) tính theo số dư nợ cho vay thực tế và thời gian duy trì số dư nợ cho vay thực tế đó. Lãi vay được xác định tính từ ngày giải ngân món vay đầu tiên theo Giấy nhận nợ vay cho đến ngày chủ đầu tư trả hết nợ gốc và lãi vay.

4. Khi đến hạn thanh toán mà chủ đầu tư không trả hoặc trả không đầy đủ nợ gốc và/hoặc lãi tiền vay theo thỏa thuận, thì chủ đầu tư phải trả lãi tiền vay như sau:

a) Lãi trên nợ gốc theo lãi suất cho vay đã thỏa thuận tương ứng với thời hạn vay mà đến hạn chưa trả.

b) Trường hợp chủ đầu tư không trả đúng hạn tiền lãi theo quy định tại điểm a khoản này, thì phải trả lãi chậm trả với mức lãi suất bằng 100% lãi suất cho vay trong hạn tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

c) Trường hợp khoản nợ vay bị chuyển nợ quá hạn, thì chủ đầu tư phải trả lãi trên dư nợ gốc bị quá hạn tương ứng với thời gian chậm trả, với mức lãi suất bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn.

5. Trường hợp cho vay hợp vốn: Lãi suất cho vay, lãi suất quá hạn và các loại phí do các bên tham gia cho vay thỏa thuận, được thể hiện trong hợp đồng hợp vốn cho vay và phải đảm bảo không thấp hơn mức lãi suất cho vay tối thiểu của Quỹ do Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

6. Đối với dự án sử dụng nguồn vốn của nhà tài trợ quốc tế có quy định về lãi suất cho vay khác với quy định tại Nghị định này thì thực hiện theo thỏa thuận đã ký kết với nhà tài trợ.

Điều 13. Thời hạn cho vay và thẩm quyền quyết định thời hạn cho vay.

Thời hạn cho vay thực hiện theo quy định tại Điều 24 Nghị định 147/2020/NĐ-CP cụ thể như sau:

1. Thời hạn cho vay được tính theo tháng và xác định trên cơ sở khả năng thu hồi vốn phù hợp với đặc điểm sản xuất, kinh doanh của dự án; khả năng trả nợ của chủ dự án, nguồn vốn cho vay và thời gian hoạt động hợp pháp còn lại của Chủ đầu tư. Thời hạn cho vay tối đa không được vượt quá thời hạn hoạt động hợp pháp còn lại của Chủ đầu tư.

2. Thẩm quyền quyết định thời hạn cho vay:

a. Giám đốc Quỹ xem xét, quyết định thời gian cho vay đối với một dự án đến 10 năm.

3. Chủ tịch Hội đồng Quản lý Quỹ xem xét, quyết định thời gian cho vay đối với một dự án từ trên 10 năm đến 15 năm.

c. Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định thời gian cho vay đối với một dự án trên 15 năm.

Điều 14. Đồng tiền cho vay, trả nợ

Đồng tiền cho vay bằng đồng Việt Nam và trả nợ bằng đồng Việt Nam.

Điều 15. Thời gian ân hạn

Thời gian ân hạn do Quỹ quyết định phù hợp với thời gian đầu tư và đưa dự án vào hoạt động.

Điều 16. Thời hạn trả nợ gốc, kỳ hạn trả nợ

1. Thời hạn trả nợ gốc được tính theo tháng; từ tháng bắt đầu trả nợ gốc đến tháng trả hết số nợ vay (gốc và lãi) theo hợp đồng tín dụng đã ký.

2. Kỳ hạn trả nợ được xác định phù hợp với chu kỳ sản xuất kinh doanh trong năm của dự án và trả theo tháng hoặc quý. Nhưng kỳ hạn trả nợ tối đa không quá 6 tháng.

Điều 17. Bảo đảm tiền vay

Bảo đảm tiền vay được thực hiện theo quy định hiện hành của pháp luật và Quy chế bảo đảm tiền vay của Quỹ.

Điều 18. Hồ sơ vay vốn

1. Hồ sơ vay vốn thực hiện theo quy định tại Quy trình thẩm định của Quỹ do Giám đốc Quỹ ban hành.

2. Chủ đầu tư phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực, đầy đủ và hợp pháp của các thông tin, tài liệu gửi cho Quỹ.

Điều 19. Thẩm định dự án

Thực hiện theo Quy chế thẩm định và quy trình thẩm định của Quỹ.

Điều 20. Hợp đồng tín dụng

1. Quỹ và Chủ đầu tư thỏa thuận cho vay và được lập thành Hợp đồng tín dụng theo mẫu do Quỹ ban hành. Các nội dung của hợp đồng tín dụng phải phù hợp với thông báo cho vay của Quỹ.

2. Hợp đồng tín dụng phải có các nội dung cơ bản sau đây:

a. Tên, địa chỉ, mã số doanh nghiệp hoặc quyết định thành lập, người đại diện hợp pháp của Quỹ và Chủ đầu tư.

b. Số tiền cho vay.

c. Mục đích sử dụng vốn vay.

d. Đồng tiền cho vay và đồng tiền trả nợ.

đ. Phương thức cho vay.

e. Thời hạn cho vay.

g. Lãi suất cho vay và các loại phí liên quan đến khoản vay.

h. Giải ngân vốn cho vay.

i. Việc trả nợ gốc, lãi tiền vay và thứ tự thu hồi nợ gốc, lãi tiền vay; trả nợ trước hạn.

k. Cơ cấu lại thời hạn trả nợ; chuyển nợ quá hạn; thu hồi nợ trước hạn.

l. Biện pháp bảo đảm tiền vay.

m. Quyền, nghĩa vụ của các bên cho vay, bên vay và những cam kết khác được các bên thoả thuận.

n. Hiệu lực của hợp đồng tín dụng.

3. Hợp đồng tín dụng được lập tối thiểu thành 04 bản có giá trị pháp lý như nhau và gửi cho các bên có liên quan.

4. Trước khi ký hợp đồng tín dụng hoặc trong quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng nếu phát hiện Chủ đầu tư có vi phạm pháp luật, dự án bị đình chỉ thực hiện của cấp có thẩm quyền hoặc dự án không có hiệu quả, không có khả năng trả nợ, Quỹ có quyền đình chỉ việc ký kết hợp đồng tín dụng hoặc ngừng cấp vốn vay, đồng thời thực hiện thu nợ trước hạn và báo cáo kịp thời cho Hội đồng quản lý Quỹ và người có thẩm quyền quyết định đầu tư.

5. Trong quá trình thực hiện Hợp đồng tín dụng nếu cần thiết phải điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung nội dung thì lập phụ lục Hợp đồng tín dụng theo yêu cầu và thoả thuận giữa các bên. Phụ lục Hợp đồng tín dụng là một bộ phận không tách rời của hợp đồng tín dụng đã ký

6. Trường hợp dự án được đầu tư bằng vốn vay của Quỹ và vốn vay của các tổ chức khác, việc ký kết hợp đồng tín dụng và hợp đồng bảo đảm tiền vay với các tổ chức khác phải đảm bảo không ảnh hưởng đến hợp đồng tín dụng và hợp đồng bảo đảm tiền vay đã ký kết với Quỹ.

Điều 21. Giải ngân vốn vay

Giải ngân vốn vay được thực hiện theo Quy trình tín dụng do Giám đốc Quỹ ban hành theo quy định của pháp luật và quy định tại Quy chế này. Nội dung quy định về giải ngân vốn vay phải bao gồm các nội dung chủ yếu, sau:

1. Nguyên tắc giải ngân:

Quỹ trực tiếp giải ngân đảm bảo phù hợp luật pháp hiện hành và quy định tại Quy chế này.

a. Hồ sơ đề nghị giải ngân phải đảm bảo đúng quy định của pháp luật hiện hành và quy định của Quỹ.

b. Vốn vay của Quỹ được giải ngân theo đúng mục đích sử dụng vốn vay, nằm trong phạm vi số vốn cho vay tối đa của Quỹ đối với dự án được thể hiện trong hợp đồng tín dụng, các phụ lục hợp đồng tín dụng (nếu có) và kế hoạch phát tiền vay đã được phê duyệt.

c. Không giải ngân đối với chủ đầu tư có nợ quá hạn (gốc và lãi) vốn vay tại Quỹ; trường hợp đặc biệt giao Giám đốc Quỹ xem xét, quyết định.

d. Sau khi dự án hoàn thành việc giải ngân, nếu số vốn giải ngân thực hiện thấp hơn số vốn vay nêu trong Hợp đồng tín dụng đã ký và khi chủ đầu tư có yêu cầu, thì Quỹ và Chủ đầu tư ký Phụ lục hợp đồng tín dụng điều chỉnh số tiền

cho vay, mức trả nợ gốc từng kỳ hạn tương ứng với số vốn đã giải ngân và theo nguyên tắc không làm thay đổi thời hạn trả nợ ban đầu của dự án.

đ. Những quy định khác thực hiện theo quy định hiện hành của Nhà nước về giải ngân vốn đầu tư.

2. Điều kiện giải ngân:

a. Hoàn thành các thủ tục bảo đảm tiền vay theo quy định.

b. Chủ đầu tư thực hiện đầu tư dự án theo đúng quy định của pháp luật về quản lý đầu tư xây dựng.

c. Hồ sơ rút vốn vay đầy đủ theo quy định hiện hành của Quỹ và các quy định có liên quan.

3. Phương thức giải ngân:

a. Vốn vay được giải ngân trực tiếp vào tài khoản của đơn vị thụ hưởng lành nghề thầu thi công xây lắp, cung ứng vật tư, thiết bị, tư vấn, cung cấp dịch vụ để chủ đầu tư thực hiện dự án.

b. Quỹ được giải ngân thanh toán vào tài khoản của chủ đầu tư theo đề nghị của chủ đầu tư trong trường hợp chủ đầu tư có đầy đủ chứng từ chứng minh đã thanh toán trước cho bên thụ hưởng để thực hiện dự án.

c. Trường hợp chủ đầu tư được phép tự thực hiện dự án hoặc một phần dự án, Quỹ được phép giải ngân vào tài khoản của chủ đầu tư để thanh toán các chi phí do chủ đầu tư tự thực hiện.

d. Những trường hợp đặc biệt khác do Giám đốc Quỹ xem xét, quyết định.

4. Hồ sơ, thủ tục và quy trình giải ngân:

Thực hiện theo quy định hiện hành của Nhà nước và quy định cụ thể của Quỹ tại Quy trình tín dụng do Giám đốc Quỹ ban hành.

Điều 22. Quyết toán vốn đầu tư

1. Khi dự án hoàn thành đưa vào khai thác sử dụng, chủ đầu tư có trách nhiệm lập báo cáo quyết toán vốn đầu tư công trình hoàn thành để trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Quỹ có trách nhiệm xác nhận tổng số vốn cho vay đã giải ngân, số dư nợ và số lãi phát sinh đến thời điểm dự án hoàn thành gửi cấp có thẩm quyền phê duyệt báo cáo quyết toán vốn đầu tư khi có yêu cầu.

Điều 23. Kiểm tra, giám sát việc sử dụng vốn vay

1. Chủ đầu tư có trách nhiệm sử dụng vốn vay theo đúng nội dung đã thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng đã ký; báo cáo và cung cấp tài liệu chứng minh việc sử dụng vốn vay khi có yêu cầu của Quỹ.

2. Định kỳ hoặc đột xuất, Quỹ có quyền thực hiện kiểm tra, giám sát việc sử dụng vốn vay và trả nợ của Chủ đầu tư.

Điều 24. Theo dõi thu hồi nợ gốc và lãi vay

1. Trách nhiệm trả nợ của chủ đầu tư:

a. Đến kỳ hạn phải trả nợ (gốc và lãi) quy định trong hợp đồng tín dụng đã ký, chủ đầu tư có trách nhiệm chủ động trả đủ nợ cho Quỹ.

b. Nguồn trả nợ từ nguồn khấu hao hoặc nguồn thu phí sử dụng tài sản hình thành từ vốn vay, phần lợi nhuận sau thuế và các nguồn vốn hợp pháp khác của chủ đầu tư

2. Nguyên tắc thu nợ vay (gốc và lãi):

a. Quỹ và Chủ đầu tư thỏa thuận về thứ tự thu nợ gốc, lãi tiền vay. Đối với khoản nợ vay bị quá hạn trả nợ, Quỹ thực hiện theo thứ tự nợ gốc thu trước, nợ lãi tiền vay thu sau. Trường hợp đặc biệt do cấp có thẩm quyền quyết định cho vay đối với dự án đó xem xét, quyết định.

b. Việc thu nợ trong trường hợp xử lý tài sản bảo đảm tiền vay để thu hồi nợ được thực hiện theo Quy chế bảo đảm tiền vay của Quỹ và các quy định hiện hành của Nhà nước.

c. Đối với dự án do Quỹ và Tổ chức tín dụng khác cho vay hợp vốn, Quỹ phải có biện pháp phối hợp chặt chẽ với Tổ chức tín dụng đó để thực hiện thu nợ khi chủ đầu tư và dự án có nguồn thu. Trường hợp nguồn thu không đủ để trả nợ cho các Bên cho vay theo Hợp đồng tín dụng đã ký, Quỹ yêu cầu chủ đầu tư thực hiện việc trả nợ cho Quỹ và Tổ chức tín dụng theo tỷ trọng dư nợ của các tổ chức cho vay trong tổng dư nợ của dự án tại thời điểm trả nợ.

d. Ngay sau ngày đến hạn trả nợ gốc và lãi tiền vay theo thông báo trả nợ của Quỹ nếu chủ đầu tư không trả nợ và không được cơ cấu lại thời hạn trả nợ hoặc không được khoan nợ, thì Quỹ chuyển số nợ gốc và lãi đến hạn trả nhưng chưa trả sang nợ quá hạn và áp dụng lãi suất nợ quá hạn quy định tại khoản 4 Điều 12 Quy chế này.

đ. Quỹ và chủ đầu tư thỏa thuận về việc trả nợ trước hạn và không áp dụng thu phí trả nợ trước hạn.

e. Trường hợp chủ đầu tư không phát sinh trả nợ liên tiếp trong 06 tháng kể từ thời điểm chuyển nợ quá hạn và sau khi đã áp dụng các biện pháp xử lý rủi ro nhưng vẫn không thực hiện trả dứt điểm nợ gốc và lãi vay, Quỹ sẽ thực hiện xử lý tài sản bảo đảm tiền vay để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật. Trình tự, thủ tục xử lý tài sản bảo đảm được thực hiện theo quy định của pháp luật và quy định về bảo đảm tiền vay của Quỹ. Trường hợp không thỏa thuận được trong việc xử lý tài sản bảo đảm Quỹ có quyền khởi kiện ra Tòa án để giải quyết theo quy định.

g. Trường hợp chủ đầu tư hoặc bên bảo đảm bị Tòa án quyết định mở thủ tục phá sản hoặc tuyên bố phá sản, thì việc thu hồi nợ của Quỹ đối với chủ đầu tư, bên bảo đảm thực hiện theo quy định của pháp luật về phá sản.

h. Quỹ có quyền chấm dứt cho vay và thu hồi nợ trước hạn theo nội dung đã thỏa thuận với chủ đầu tư khi phát hiện chủ đầu tư cung cấp thông tin sai sự thật, sử

dụng vốn vay không đúng mục đích, vi phạm hợp đồng tín dụng/phụ lục hợp đồng tín dụng, hợp đồng bảo đảm tiền vay. Khi thực hiện chấm dứt cho vay thu hồi nợ trước hạn Quỹ phải thông báo cho chủ đầu tư. Nội dung thông báo gồm thời điểm chấm dứt cho vay, thu hồi nợ trước hạn, số dư nợ gốc bị thu hồi nợ trước hạn, thời hạn hoàn trả số dư nợ gốc bị thu hồi trước hạn, thời hạn chuyển nợ quá hạn và lãi suất áp dụng đối với số dư nợ gốc bị thu hồi trước hạn.

Điều 25. Nhiệm vụ thu nợ (gốc và lãi)

1. Nguyên tắc xây dựng nhiệm vụ thu nợ:

a. Nhiệm vụ thu nợ (gốc và lãi) bao gồm toàn bộ số nợ phải thu nhưng chưa thu được đến ngày 31 tháng 12 năm trước và số nợ (gốc và lãi) phải thu trong năm kế hoạch theo đúng hợp đồng tín dụng (hoặc phụ lục hợp đồng tín dụng) đã ký hoặc các văn bản cho phép gia hạn nợ gần nhất của Quỹ.

b. Nhiệm vụ thu nợ (gốc và lãi) được chia theo quý để thuận tiện cho việc theo dõi quản lý và đôn đốc thu nợ.

2. Nhiệm vụ thu nợ (gốc và lãi) được lập trong kế hoạch cho vay được triển khai trong kế hoạch hoạt động hàng năm của Quỹ theo quy định.

3. Nhiệm vụ thu nợ do Quỹ lập trong kế hoạch hoạt động hàng năm của Quỹ là căn cứ để xem xét đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ được giao.

Điều 26. Tổ chức thực hiện nhiệm vụ thu nợ

Giám đốc Quỹ chỉ đạo các phòng nghiệp vụ thực hiện các nội dung sau:

1. Mở sổ sách theo dõi nợ vay (gốc và lãi) phải thu, thời hạn và thời điểm thu nợ vay (gốc và lãi) theo hợp đồng tín dụng (hoặc phụ lục hợp đồng tín dụng) đã ký, đối chiếu phần mềm tín dụng đảm bảo số liệu chính xác, kịp thời.

2. Trước thời điểm phải thu nợ: Đối với nợ gốc 30 ngày và lãi vay 10 ngày vào ngày 20 hàng tháng, gửi thông báo thu nợ đến hạn cho chủ đầu tư để chủ đầu tư chuẩn bị tài chính để trả nợ cho Quỹ.

3. Đôn đốc chủ đầu tư trả nợ (gốc và lãi) đúng hạn.

4. Trước ngày 05 hàng tháng, phòng Tín dụng và Quản lý ủy thác phối hợp với phòng Tài chính - Kế toán lập báo cáo, đối chiếu xác định số nợ phải thu (gốc, lãi), số đã thu, số còn phải thu của các dự án để đôn đốc thu hồi theo quy định.

5. Hàng tháng phải làm việc với các chủ đầu tư có nợ gốc quá hạn và lãi treo để nắm tình hình tài chính và sản xuất kinh doanh của chủ đầu tư, của dự án đầu tư để đôn đốc, thu nợ.

6. Chuyển nợ quá hạn đối với số nợ gốc và lãi đến hạn trả chưa trả theo quy định của Quỹ đối với các dự án không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ gốc theo hợp đồng tín dụng (hoặc phụ lục hợp đồng tín dụng) đã ký.

Điều 27. Xử lý các trường hợp chuyển đổi chủ đầu tư

1. Trong thời gian chưa trả hết nợ vay (gốc và lãi) cho Quỹ, nếu chủ đầu tư là doanh nghiệp Nhà nước chuẩn bị chuyển đổi hình thức sở hữu (cổ phần hoá, bán, khoán kinh doanh, cho thuê...) hoặc chia tách, sáp nhập theo quyết định của

cấp có thẩm quyền hoặc có quyết định thay đổi chủ đầu tư dự án của cấp có thẩm quyền, thì chủ đầu tư và cấp trên của chủ đầu tư có trách nhiệm thông báo cho Quỹ về thời gian và tiến trình thực hiện; chủ đầu tư phải xây dựng phương án trả nợ số vốn vay (gốc và lãi) còn lại chưa trả cho Quỹ trước khi chuyển đổi hình thức sở hữu, thay đổi chủ đầu tư.

2. Về nguyên tắc, chủ đầu tư cũ phải thu xếp nguồn vốn hợp pháp để trả hết nợ vay cho Quỹ trước khi bàn giao dự án cho chủ đầu tư mới. Trường hợp chủ đầu tư cũ không có khả năng trả hết nợ vay cho Quỹ trước khi bàn giao dự án cho chủ đầu tư mới, thì chủ đầu tư cũ có văn bản đề nghị và chủ đầu tư mới có văn bản cam kết trách nhiệm nhận nợ và trả nợ Quỹ đối với các khoản vay chưa trả của dự án. Trên cơ sở chấp thuận của Quỹ, Quỹ ký lại hợp đồng tín dụng, hợp đồng bảo đảm tiền vay với chủ đầu tư mới (hoặc ký Hợp đồng sửa đổi các điều khoản của Hợp đồng cũ) và yêu cầu chủ đầu tư mới ký khế ước nhận nợ đối với số nợ (gốc và lãi) còn lại chưa trả của dự án.

Điều 28. Xử lý rủi ro

Thực hiện theo Quy chế xử lý rủi ro của Quỹ.

Điều 29. Xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ

Thực hiện theo Quy chế bảo đảm tiền vay của Quỹ.

Điều 30. Quyền và nghĩa vụ của Quỹ

1. Quyền của Quỹ:

a. Thực hiện cho vay đúng đối tượng, phù hợp với các quy định tại Quy chế này và các quy định có liên quan. Được quyền từ chối cho vay nếu dự án hoặc chủ đầu tư không đủ điều kiện vay vốn.

b. Yêu cầu chủ đầu tư cung cấp toàn bộ thông tin, báo cáo liên quan đến tình hình sử dụng vốn vay tại Quỹ và hoạt động của chủ đầu tư. Được quyền kiểm tra, giám sát quá trình vay vốn, sử dụng vốn vay và trả nợ của chủ đầu tư trước, trong và sau cho vay. Được quyền kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất tài sản hình thành từ vốn vay, tài sản thế chấp, cầm cố của Bên bảo đảm.

c. Chấm dứt việc cho vay, thu hồi nợ vay trước thời hạn khi phát hiện chủ dự án cung cấp thông tin sai sự thật, sử dụng vốn vay sai mục đích, vi phạm hợp đồng tín dụng, hợp đồng bảo đảm tiền vay đã ký. Trường hợp cần thiết, được khởi kiện chủ đầu tư, Bên bảo đảm vi phạm hợp đồng tín dụng, hợp đồng bảo đảm, hợp đồng bảo lãnh theo quy định của pháp luật.

d. Khi đến hạn trả nợ, nếu chủ đầu tư không trả được nợ và các Bên không có thoả thuận khác thì Quỹ được quyền xử lý tài sản hình thành từ vốn vay, tài sản thế chấp, cầm cố của Bên bảo đảm và tài sản của Bên bảo lãnh để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

đ. Xử lý rủi ro theo quy định tại Quy chế xử lý rủi ro của Quỹ và thực hiện các quyết định của Hội đồng quản lý và Ủy ban nhân dân tỉnh đối với dự án được khoan nợ, xóa nợ, bán nợ.

2. Nghĩa vụ của Quỹ:

a. Thực hiện đúng thoả thuận trong hợp đồng tín dụng, hợp đồng bảo đảm tiền vay.

b. Lưu giữ bảo quản hồ sơ vay vốn, hồ sơ bảo đảm tiền vay theo quy định của pháp luật.

Điều 31. Quyền và nghĩa vụ của chủ đầu tư

1. Quyền của Chủ đầu tư:

a. Từ chối các yêu cầu của Quỹ không đúng với các quy định của pháp luật và thoả thuận trong hợp đồng tín dụng, hợp đồng bảo đảm tiền vay.

b. Khiếu nại, khởi kiện việc vi phạm hợp đồng tín dụng, hợp đồng bảo đảm tiền vay của Quỹ theo quy định của pháp luật.

c. Được quyền rút vốn vay theo các điều kiện ghi trong hợp đồng tín dụng.

2. Nghĩa vụ của chủ đầu tư:

a. Cung cấp đầy đủ, kịp thời, trung thực các thông tin, tài liệu liên quan đến việc vay vốn, sử dụng vốn vay cho Quỹ và chịu trách nhiệm về tính chính xác của các thông tin, tài liệu đã cung cấp. Tạo điều kiện để Quỹ thực hiện kiểm tra trước, trong và sau cho vay. Cam kết và gửi đủ báo cáo tình hình sản xuất kinh doanh, báo cáo tài chính năm cho Quỹ trong suốt thời gian chưa trả hết nợ vay.

b. Thực hiện đầy đủ các nội dung khác đã thoả thuận trong hợp đồng tín dụng, hợp đồng bảo đảm tiền vay.

c. Thực hiện báo cáo quyết toán vốn đầu tư công trình hoàn thành theo đúng chế độ hiện hành.

d. Sử dụng vốn vay đúng mục đích, có hiệu quả, trả nợ gốc và lãi vốn vay theo đúng thoả thuận trong hợp đồng tín dụng.

đ. Trong thời gian chưa trả hết nợ, nếu chủ dự án chia tách, sáp nhập, chuyển đổi hình thức sở hữu... thì chủ dự án mới có trách nhiệm tiếp tục thực hiện các nghĩa vụ theo hợp đồng tín dụng đã ký.

e. Tạo điều kiện để Quỹ thực hiện kiểm tra trước, trong và sau khi giải ngân vốn vay; cam kết và gửi báo cáo tình hình sản xuất kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm cho Quỹ đến khi trả hết nợ vay.

f. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi không thực hiện đúng những thoả thuận về việc trả nợ vay và các nghĩa vụ bảo đảm tiền vay đã cam kết trong hợp đồng tín dụng, hợp đồng bảo đảm tiền vay.

Điều 32. Báo cáo, thanh tra, kiểm tra

1. Định kỳ theo quy định hoặc theo yêu cầu đột xuất, Quỹ có trách nhiệm báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, đồng gửi Bộ Tài chính, Sở Tài chính và Ngân hàng Nhà nước - Chi nhánh tỉnh Tuyên Quang về tình hình quản lý, cho vay và thu hồi nợ.

2. Hoạt động cho vay và thu hồi nợ vay của Quỹ chịu sự thanh tra, kiểm tra của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

Chương III

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 33. Hiệu lực thi hành

1. Quy chế này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quy chế cho vay đầu tư của Quỹ Đầu tư phát triển ban hành kèm theo Quyết định số 05/QĐ-HĐQL ngày 20/6/2014 của Hội đồng quản lý của Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Tuyên Quang.

2. Đối với các dự án cho vay ký kết Hợp đồng tín dụng trước ngày Quy chế này có hiệu lực được tiếp tục thực hiện theo Hợp đồng tín dụng đã ký kết theo quy định tại Quy chế cho vay ban hành theo Quyết định số 05/QĐ-HĐQL ngày 20/6/2014 của Hội đồng quản lý của Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Tuyên Quang cho đến khi hết thời hạn cho vay theo hợp đồng đã ký kết.

Điều 34. Tổ chức thực hiện

1. Các thành viên Hội đồng quản lý, Ban kiểm soát, Ban điều hành Quỹ và các tổ chức, cá nhân có liên quan có trách nhiệm thực hiện Quy chế này.

2. Trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động cho vay nhưng chưa được quy định tại Quy chế này hoặc trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những quy định trong Quy chế này thì những quy định đó được áp dụng thực hiện.

3. Trong quá trình thực hiện, nếu có những nội dung cần sửa đổi, bổ sung Giám đốc Quỹ có trách nhiệm tổng hợp, trình Hội đồng quản lý Quỹ xem xét, quyết định./

**T.M HỘI ĐỒNG QUẢN LÝ
CHỦ TỊCH**

**PHÓ CHỦ TỊCH UBND TỈNH
Nguyễn Mạnh Tuấn**